

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K,  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Bản án số: 51/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 28/9/2022  
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; ĐKKH và trú tại: Xóm 14B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981; ĐKKH và trú tại: Xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh B tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết ngày 12 tháng 1 năm 2005 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, mặt khác anh B thường xuyên rượu chè không tu trí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm trí anh B còn đánh đập chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả, cả hai không có biện pháp nào hàn gắn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2010 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng

không thể khắc phục được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/07/2007. Hiện cháu đang ở cùng với anh B, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh B không có. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là Nguyễn Văn B hiện đang cư trú tại xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh B và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh B theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh B không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến của mình đối với những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Con chung của chị H và anh B là cháu Nguyễn Thị D thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyên vọng của con, tại bản tự khai của cháu D trình bày do hiện nay cháu đang ở với bố nên trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nguyên vọng cháu được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn B.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/07/2007 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con theo quy định của pháp luật. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Văn B hiện đang cư trú tại: Xóm 7B, xã C, huyện

K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2005 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã C khoảng hai năm. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, bản thân cả hai anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ năm 2010 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia hòa giải tại tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Biên không có mặt và thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện trí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn dẫn đến việc Tòa án đã không thể tiến hành hòa giải được vụ án.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã C xác định: Anh Nguyễn Văn B là công dân xã C hiện đang sinh sống cùng ông bà T và cư trú tại xóm 7B, xã Cồn Thoi, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị H và anh B sau khi tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có Đăng ký kết hôn tại UBND xã L năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh B tại xã C. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B thường xuyên say xỉn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Khoảng 10 năm nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L làm ăn sinh sống đồng thời anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Về con chung chị H và anh B có một con chung cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/07/2007 hiện cháu D đang ở cùng với anh B, về mức thu nhập của hai vợ chồng thì UBND xã không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh B Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của chị H và anh B các bên có nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân nhau 12 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa cả 2 đều không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: chị H và anh B có 01 con chung cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/07/2007. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu D do anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và khi cháu D ở với anh B thì anh B cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Nay chị H và anh B ly hôn qua tham khảo nguyện vọng của cháu thì cháu muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Về phía chị H cũng nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của cháu D nên cũng nhất trí giao cháu D cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu cũng như không làm thay đổi môi trường sống và

học tập của cháu D căn cứ vào điều 82, 83 cần giao cháu Nguyễn Thị D cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi cho con sau khi chị H và anh B ly hôn nay cần buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D là 1.000.000đ/ tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh B không có tài sản chung và công nợ, nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 01/07/2007 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004609 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị H phải nộp thêm 300.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã L.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Trần Thị Khanh**